

Số: **55** /BTTTT-UDCNTTV/v hướng dẫn về chức trách, nhiệm vụ,
năng lực của Giám đốc công nghệ
thông tin trong cơ quan nhà nước*Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2012*

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và các chương trình, kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, trong thời gian qua, công tác ứng dụng công nghệ thông tin đã đạt được nhiều kết quả thiết thực góp phần đắc lực nâng cao hiệu quả xử lý công việc, quản lý điều hành trong hoạt động của cơ quan nhà nước và phục vụ người dân và doanh nghiệp, tạo tiền đề cho phát triển Chính phủ điện tử trong giai đoạn tới.

Đóng góp vào sự thành công bước đầu trên có phần quan trọng của các Giám đốc công nghệ thông tin (tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là Giám đốc đơn vị chuyên trách CNTT, tại các địa phương là Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông). Các Giám đốc công nghệ thông tin đã trực tiếp tham mưu, giúp lãnh đạo cơ quan xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin; tổ chức triển khai kế hoạch; chỉ đạo xây dựng các quy định, hướng dẫn quản lý kỹ thuật, nghiệp vụ,... Tuy nhiên, để thực hiện thành công việc ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển Chính phủ điện tử theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 (Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010) và tại Đề án Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông (Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010), đòi hỏi trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước phải ngày càng cao. Từ yêu cầu thực tế trên, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành văn bản Hướng dẫn về chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của Giám đốc công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước (Hướng dẫn chi tiết gửi kèm theo Công văn này).

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị Quý cơ quan phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Ứng dụng công nghệ thông tin) để cùng phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ TTTT;
- Đơn vị chuyên trách CNTT của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, UDCNTT (02b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Minh Hồng



HƯỚNG DẪN VỀ CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NĂNG LỰC CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

*(Kèm theo công văn số 55/BTTTT-UDCNTT ngày 10/01/2012
của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1.1. Phạm vi

Văn bản này hướng dẫn cụ thể về chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước.

1.2. Đối tượng áp dụng

Hướng dẫn này áp dụng đối với cơ quan nhà nước bao gồm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cơ quan, địa phương).

1.3. Giám đốc công nghệ thông tin

Giám đốc công nghệ thông tin là Thủ trưởng đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước hoặc cấp phó được cấp trưởng ủy quyền phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin.

II. CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ, NĂNG LỰC CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

2.1. Chức trách của Giám đốc công nghệ thông tin

1. Xác định tầm nhìn chiến lược, đổi mới và nâng cao chính sách chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin;
2. Giữ vai trò đầu mối tổ chức, giám sát việc thực hiện các chính sách chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin;
3. Đảm bảo áp dụng các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin vào cơ quan đạt hiệu quả tối ưu;
4. Phối hợp giữa các đơn vị bên trong, bên ngoài cơ quan, địa phương và các đối tác trong việc tổ chức thực hiện chính sách chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin.

2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Trực tiếp tham mưu, giúp lãnh đạo cơ quan, địa phương xây dựng chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan, địa phương;

2. Tổ chức, điều hành, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin được phê duyệt;

3. Chịu trách nhiệm xây dựng, mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu trong cơ quan, trong ngành hoặc địa phương;

4. Chỉ đạo xây dựng các quy định, hướng dẫn quản lý kỹ thuật, nghiệp vụ trong ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định; chỉ đạo xây dựng các chính sách, quy định về an toàn thông tin; đề xuất và tham gia chỉ đạo xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin;

5. Là đầu mối, tham gia chỉ đạo, điều phối công tác phối hợp với các cơ quan, địa phương khác trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án ứng dụng công nghệ thông tin liên quan nhiều cơ quan, địa phương; tham gia thành viên Ban chỉ đạo công nghệ thông tin của cơ quan, địa phương;

6. Thường trực tham mưu, giúp lãnh đạo cơ quan, địa phương trong việc phân bổ ngân sách và điều phối nhân lực cho việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và các dự án ứng dụng công nghệ thông tin chiến lược của ngành hoặc địa phương;

7. Phối hợp với các đơn vị chuyên môn nghiệp vụ để tin học hóa các quy trình nghiệp vụ; tham gia thẩm định việc cải tiến các quy trình nghiệp vụ hoặc các quy trình nghiệp vụ mới trong cơ quan, địa phương để đảm bảo các quy trình nghiệp vụ có thể tin học hóa được;

8. Thường trực tham gia xét phê duyệt các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị thuộc cơ quan, địa phương để đảm bảo sự đồng bộ với kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin tổng thể và phát triển Chính phủ điện tử của ngành hoặc địa phương.

2.3. Năng lực, kỹ năng cần có

1. Năng lực quản lý:

a) Có năng lực và kinh nghiệm trong quản lý nhà nước về công nghệ thông tin;

a) Có trình độ và kinh nghiệm về quản lý kiến trúc hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông;

b) Thành thạo về chỉ đạo xây dựng và quản lý chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng tầm nhìn, tư duy chiến lược, khả năng phân tích chiến lược;

c) Có kiến thức về quản lý vốn đầu tư đối với các dự án công nghệ thông tin (xác định vốn đầu tư, rà soát kế hoạch thu chi trong quá trình thực hiện dự án);

d) Có kiến thức về quản trị dự án công nghệ thông tin.

đ) Có hiểu biết về cơ cấu tổ chức bộ máy và thể chế hoạt động của hệ thống cơ quan nhà nước.

2. Kỹ năng mềm:

a) Năng lực lãnh đạo: Có tầm nhìn, nhiệt huyết, tự tin, tư duy sáng tạo, công bằng, quyết đoán, có nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp; có khả năng tập hợp nhân lực, phân công, điều phối mọi hoạt động thuộc thẩm quyền trong cơ quan;

b) Kinh nghiệm ngoại giao: Có khả năng tác động, thuyết phục và tạo được sự đồng thuận giữa các đơn vị trong và ngoài cơ quan để thuận lợi hơn trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

c) Kỹ năng giao tiếp: Có khả năng diễn đạt và giao tiếp hiệu quả, biết cách giải quyết xung đột, có kiến thức chung về quốc tế và thành thạo một ngoại ngữ;

d) Hiểu biết cơ bản về tài chính - kế toán.

3. Kỹ năng hệ thống, kỹ thuật:

a) Có kiến thức, kinh nghiệm về thiết kế, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống và tích hợp hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin;

b) Hiểu biết trong việc cải tiến quy trình nghiệp vụ để chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ phù hợp cho việc ứng dụng công nghệ thông tin.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

3.1. Cơ quan chủ quản

1. Ban hành Quyết định xác định rõ vai trò, chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc công nghệ thông tin trong toàn cơ quan hoặc địa phương.

2. Bảo đảm các nguồn lực, điều kiện vật chất, phương tiện cần thiết để Giám đốc công nghệ thông tin hoàn thành nhiệm vụ.

3.2. Hướng dẫn thực hiện

Cục Ứng dụng công nghệ thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ cho các Giám đốc công nghệ thông tin để nâng cao trình độ quản lý, kỹ thuật nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu cần có của Giám đốc công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.